TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 09-12-2025
V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lò Mai Xiêng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lường Văn Duôi, bà Lường Thị Thảo.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Lan Phượng - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2- Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Vừ bả Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2- Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 08/2025/TLST - HNGĐ ngày 07/10/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/11/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị S, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Bản T, xã M, tỉnh Sơn La.

(Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Lò Văn T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Bản T, xã M, tỉnh Sơn La.

(Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn Chị Lò Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị S và anh Lò Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996, không đăng ký kết hôn. Đến năm 2022 cuộc sống chung phát sinh mâu thuẫn, chị Sương và anh Thiện đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Chị Lò Thị S yêu cầu giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Lò Văn T.

Về con chung: Chị Lò Thị S và anh Lò Văn T có 03 con chung là: Cháu Lò Thị C, sinh ngày 26/02/1997, cháu Lò Văn M, sinh ngày 19/5/1999 và cháu Lò Thị H, sinh ngày 22/7/2005.

Cháu Lò Thị C, cháu Lò Văn M, cháu Lò Thị H đã trưởng thành, không bệnh tật và có khả năng lao động. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Chị Lò Thị S cam đoan không có nợ chung.

Trong bản tự khai, biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Lò Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lò Văn T và Chị Lò Thị S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996, không đăng ký kết hôn. Đến năm 2022 cuộc sống chung phát sinh mâu thuẫn, anh Thiện và chị Sương đã sống ly thân đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Chị Lò Thị S yêu cầu giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Lò Văn T, anh Thiện nhất trí với yêu cầu của Chị Lò Thị S.

Về con chung: Anh Lò Văn T và Chị Lò Thị S có 03 con chung là: Cháu Lò Thị C, sinh ngày 26/02/1997, cháu Lò Văn M, sinh ngày 19/5/1999 và cháu Lò Thị H, sinh ngày 22/7/2005.

Cháu Lò Thị C, cháu Lò Văn M, cháu Lò Thị H đã trưởng thành, không bệnh tật và có khả năng lao động. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Anh Lò Văn T cam đoan không có nợ chung.

Đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, không có ý kiến gì về các chứng cứ do các đương sự khác xuất trình và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người tham gia tố tụng khác.

Tại biên bản xác minh ngày 19/11/2025 tại chính quyền địa phương: Chị Lò Thị S và anh Lò Văn T có hộ khẩu thường trú tại Bản T, xã M, tỉnh Sơn La, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 và không đăng ký kết hôn với nhau cho đến nay, hiện tại chị Sương và anh Thiện đã sống ly thân. Anh Lò Văn T và Chị Lò Thị S có 03 con chung là: Cháu Lò Thị C, sinh ngày 26/02/1997, cháu Lò Văn M, sinh ngày 19/5/1999 và cháu Lò Thị H, sinh ngày 22/7/2005. Các cháu Lò Thị C, cháu Lò Văn M, cháu Lò Thị H đã trưởng thành, tự lập, không bệnh tật và có khả năng lao động.

Chị Lò Thị S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt: Chị Sương giữ nguyên giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến trong bản tự khai, biên bản lấy lời khai.

Anh Lò Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt: Anh Thiện giữ nguyên ý kiến trong bản tự khai.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2- Sơn La phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự (Luật sửa đổi bổ sung năm 2025). Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227; khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự (Luật sửa đổi bổ sung năm 2025); Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Chị Lò Thị S và anh Lò Văn T.

Về con chung: Chị Lò Thị S và anh Lò Văn T có 03 con chung là: Cháu Lò Thị C, sinh ngày 26/02/1997, cháu Lò Văn M, sinh ngày 19/5/1999 và cháu Lò Thị H, sinh ngày 22/7/2005. Các cháu Lò Thị C, cháu Lò Văn M, cháu Lò Thị H đã trưởng thành, tự lập, không bệnh tật và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Chị Lò Thị S và anh Lò Văn T cam đoan không có nợ chung.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn Chị Lò Thị S theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Chị Lò Thị S yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với bị đơn anh Lò Văn T có nơi thường trú tại Bản T, xã M, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân khu vực 2- Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm

quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự (Luật sửa đổi bổ sung năm 2025).

Về sự vắng mặt của nguyên đơn Chị Lò Thị S, bị đơn anh Lò Văn T: Nguyên đơn Chị Lò Thị S, bị đơn anh Lò Văn T đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự (Luật sửa đổi bổ sung năm 2025) tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị S và anh Lò Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 và không đăng ký kết hôn. Chị Sương yêu cầu giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Lò Văn T, anh Thiện nhất trí với yêu cầu của Chị Lò Thị S.

Xét thấy: Chị Lò Thị S và anh Lò Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Việc kết hôn không đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, do đó không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình. Không công nhận quan hệ giữa Chị Lò Thị S và anh Lò Văn T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị Lò Thị S và anh Lò Văn T có 03 con chung là: Cháu Lò Thị C, sinh ngày 26/02/1997, cháu Lò Văn M, sinh ngày 19/5/1999 và cháu Lò Thị H, sinh ngày 22/7/2005. Các cháu Lò Thị C, cháu Lò Văn M, cháu Lò Thị H đã trưởng thành, tự lập, không bệnh tật và có khả năng lao động.

Chị Lò Thị S và anh Lò Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết là có căn cứ đúng pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản riêng: Không có.

[6] Về nợ chung: Chị Lò Thị S, anh Lò Văn T cam đoan không có nợ chung.

[7] Về án phí: Chị Lò Thị S có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm, xét thấy Chị Lò Thị S là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn Chị Lò Thị S.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự (Luật sửa đổi bổ sung năm 2025); điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-

UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa Chị Lò Thị S và anh Lò Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị Lò Thị S và anh Lò Văn T có 03 con chung là: Cháu Lò Thị C, sinh ngày 26/02/1997, cháu Lò Văn M, sinh ngày 19/5/1999 và cháu Lò Thị H, sinh ngày 22/7/2005. Các cháu Lò Thị C, cháu Lò Văn M, cháu Lò Thị H đã trưởng thành, tự lập, không bệnh tật và có khả năng lao động. Chị Lò Thị S và anh Lò Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản riêng: Không có.

5. Về nợ chung: Chị Lò Thị S và anh Lò Văn T cam đoan không có nợ chung.

6. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn Chị Lò Thị S.

7. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị S, anh Lò Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 2- Sơn La (2);
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2- Sơn La;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lò Mai Xiêng